PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ Y TẾ

THÔNG TƯ
số 37/2010/TT-BYT ngày 16 tháng 8 năm 2010 quy định về quản lý đề tài nghiên cứu khoa học và dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ Y tế

(Tiếp theo Công báo số 614 + 615)

Phụ lục 2 biểu B6 PHNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ

Kính gửi: Vụ Khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế

1. Tên đề tài (hoặc dự án SXTN) đăng ký:

.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có): .....

Mã số của Chương trình: .....

2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài (hoặc dự án SXTN)

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì đề tài (hoặc dự án SXTN):.....

.....

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài (hoặc dự án SXTN):.....

3. Danh sách tổ chức và/hoặc cá nhân đăng ký phối hợp thực hiện đề tài (hoặc dự án SXTN)

TT	Tên tổ chức và/ hoặc tên cá nhân	Địa chỉ nơi làm việc	Điện thoại	Xác nhận tham gia (tổ chức, cá nhân ký tên)

Nội dung công việc tham gia trong đề tài của tổ chức và cá nhân phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản Thuyết minh đề tài (hoặc bản Thuyết minh Dự án SXTN) của Hồ sơ đăng ký gửi Bộ Y tế.

Khi Hồ sơ được phê duyệt, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Bộ Y tế hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của đề tài (hoặc dự án SXTN).

....., ngày.... tháng..... năm .....

Cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án SXTN	**Thủ trưởng tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án SXTN**
(Họ, tên và chữ ký)	(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Phụ lục 2 biểu B7 BBMHS

BỘ Y TẾ

HỘI ĐỒNG KHCN TUYỂN CHỌN ĐỀ TÀI CẤP BỘ NĂM .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 200...

BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ

đăng ký tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì Đề tài cấp Bộ năm .....

Thực hiện kế hoạch khoa học công nghệ cấp Bộ năm ....., Bộ Y tế tổ chức phiên họp Hội đồng KHCN tuyển chọn cá nhân, tổ chức chủ trì đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ năm .... thành lập theo Quyết định...../QĐ-BYT ngày ..... của Bộ trưởng Bộ Y tế.

1. Thời gian và Địa điểm mở Hồ sơ:

Lúc....giờ.... ngày.... tháng... năm 2009 tại.....

2. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở Hồ sơ:

TT	*Tên cơ quan, tổ chức*	*Họ và tên đại biểu*
1		

3. Tình trạng của các Hồ sơ:

TT	Tên đề tài	Tên tổ chức đăng ký tuyển chọn	Tên cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài	Tình trạng Hồ sơ			Có đủ điều kiện tuyển chọn (Có/Không)	Ghi chú
				Nộp đúng hạn (Có/ Không)	Đầy đủ về chủng loại giấy tờ (Có/ Không)	Đầy đủ về số lượng (Có/ Không)		
1								
2								
3								

4. Kết luận về những Hồ sơ hợp lệ đề nghị Bộ Y tế đưa vào đánh giá tuyển chọn:

Trong số..... Hồ sơ đăng ký, có..... Hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện đề nghị Bộ Y tế đưa vào xem xét đánh giá.

Đại diện Hội đồng KH&CN	**Đại diện tổ chức chủ trì**	**Đại diện Bộ Y tế**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*	**Vụ Khoa học và Đào tạo**
		(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 2 biểu B8 PNXTMĐT

BỘ Y TẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hội đồng KHCN tư vấn tuyển chọn, xét chọn chủ trì đề tài cấp Bộ	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*

PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ
Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì Đề tài cấp Bộ năm .....

Căn cứ quyết định..../QĐ-BYT ngày..../...../..... của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Hội đồng KHCN tư vấn tuyển chọn, xét chọn chủ trì đề tài cấp Bộ năm.....:

- Tên đề tài:.....
.....
.....

- Chủ nhiệm đề tài: .....
- Đơn vị chủ trì đề tài: .....

Họ và tên thành viên Hội đồng:.....

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

I. Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết của đề tài

1. Mức độ đầy đủ, rõ ràng của việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước. Đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của các công trình nghiên cứu đã có và những hạn chế cần giải quyết.

2. Mức độ rõ ràng, tính khoa học, cụ thể của việc luận giải về tính cấp thiết của đề tài. Mức độ rõ ràng của mục tiêu nghiên cứu.

II. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

3. Tính đầy đủ, phù hợp và logic của nội dung nghiên cứu.

Mức độ làm rõ nội dung quan trọng, chủ yếu của đề tài.

4. Tính đầy đủ, phù hợp, khoa học và logic của phương pháp nghiên cứu tương ứng để đạt mục tiêu của đề tài.

III. Kết quả nghiên cứu dự kiến

5. Tính đầy đủ, hợp lý và tương thích về kết quả nghiên cứu so với mục tiêu và nội dung nghiên cứu.

6. Tính khả thi của ứng dụng kết quả nghiên cứu trong điều kiện Việt Nam.

IV. Khả năng ứng dụng, hiệu quả, khả thi của đề tài và năng lực của chủ nhiệm đề tài

7. Hiệu quả kinh tế - xã hội, tính khả thi của các phương án chuyển giao, nhân rộng kết quả nghiên cứu.

8. Năng lực chuyên môn và thời gian thực tế có thể dành cho nghiên cứu của các cán bộ thực hiện đề tài.

9. Năng lực tổ chức thực hiện *(tính khoa học và hợp lý trong bố trí kế hoạch, các mốc phải đạt, khả năng hoàn thành...).*

10. Cơ sở vật chất, tính khả thi của việc huy động kinh phí phục vụ triển khai đề tài.

11. Mức độ xác thực của dự toán kinh phí, tính hợp lý của việc phân bổ kinh phí cho các nội dung nghiên cứu.

V. Khía cạnh đạo đức trong nghiên cứu

12. Tính đầy đủ của hồ sơ về đạo đức nghiên cứu.

13. Mức độ đầy đủ về mô tả biện pháp chăm sóc bảo vệ đối tượng nghiên cứu, bảo vệ bí mật cho đối tượng nghiên cứu.

14. Mức độ đầy đủ về mô tả quyền lợi của đối tượng nghiên cứu.

15. Sự đầy đủ thông tin trong Bản cam kết tình nguyện tham gia nghiên cứu và thông báo cụ thể những rủi ro có thể xảy ra cho đối tượng nghiên cứu.

Những điểm cần sửa chữa, bổ sung vào đề cương:

Thành viên Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2 biểu B9 PNXTMDASXTN

Ý KIẾN NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT CHỌN TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN

Chuyên gia/ủy viên phản biện:	
Ủy viên Hội đồng:	

1. Họ và tên chuyên gia đánh giá:

2. Tên Dự án:

3. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì dự án:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

4. Các chỉ tiêu đánh giá - nhận xét

Tiêu chí đánh giá	***Điểm dự kiến của chuyên gia***
I. Giá trị công nghệ của Dự án (*Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.1, 14.1, 14.2, 15.1 và 15.2,17 của Thuyết minh dự án*)	
1. Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của Dự án so với công nghệ là xuất xứ	
2. Trình độ công nghệ chủ yếu của Dự án (các chỉ tiêu KT-KT, chỉ tiêu bảo vệ môi trường,….) so với công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước	
3. Mức độ tiên tiến của sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh môi trường,…) so sánh với sản phẩm tương tự trong nước và ở ngoài nước	
4.Tính hợp lý của quy mô Dự án	

Tiêu chí đánh giá	*Điểm dự kiến của chuyên gia*
II. Tính khả thi của phương án triển khai Dự án (*Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 16 của Thuyết minh dự án*)	
5. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện	
6. Khả năng hợp tác, liên kết giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	
7. Tính hợp lý, đầy đủ, xác thực của phương án tài chính	
III. Đầu tư và lợi ích trực tiếp của Dự án (*Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ phần III, các mục 16.2, 13.2 và 13.3 của Thuyết minh dự án*)	
8. Tính hợp lý của tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án so với kết quả dự kiến tạo ra	
9. Tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học để thực hiện Dự án	
10. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách so với kết quả và mục đích đầu tư, tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện Dự án	
11. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại (kinh tế, việc làm, đào tạo cán bộ,…)	
IV. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của Dự án sau khi kết thúc (*Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.5 và mục 16.3 của Thuyết minh dự án*)	
12. Tính xác thực của dự báo nhu cầu, đánh giá khả năng cung ứng trên thị trường đối với sản phẩm tạo ra của Dự án	
13. Tính cụ thể và khả thi của phương án tiêu thụ sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án	
14. Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (giá thành, chất lượng,…)	
15. Khả năng chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án, tự tổ chức SX-KD, thành lập doanh nghiệp KHCN	

Tiêu chí đánh giá	*Điểm dự kiến của chuyên gia*
V. Năng lực thực hiện Dự án *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.4, 16 và phần III của Thuyết minh dự án* và *các bản Lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính Dự án*)	
16. Năng lực, uy tín về nghiên cứu KH&CN và kinh nghiệm, năng lực tổ chức, quản lý của cá nhân chủ trì Dự án	
17. Năng lực của các cá nhân tham gia chính thực hiện Dự án (trình độ, kinh nghiệm, thời gian thực tế có thể tham gia)	
18. Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và các tổ chức phối hợp chính (khả năng huy động cơ sở vật chất, nhân lực, …)	
19. Đánh giá chung về tính hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh Dự án	
Tổng cộng	

5. Nhận xét, đánh giá tổng hợp chung về Dự án

5.1. Mặt mạnh của Dự án:

5.2. Mặt yếu của Dự án:

5.3. Các kiến nghị:

CHUYÊN GIA, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ - NHẬN XÉT

(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 2 biểu B10 CĐTMĐT

BỘ Y TẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Hội đồng KH&CN tư vấn xét chọn Tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 200...*

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHCN CẤP BỘ Y TẾ

1. Tên đề tài:

2. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện đề tài:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

3. Họ và tên Chuyên gia/Thành viên Hội đồng đánh giá:

4. Các chỉ tiêu đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của chuyên gia
1. Mức độ đầy đủ, rõ ràng của việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước. Đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của các công trình nghiên cứu đã có và những hạn chế cần giải quyết	5	
2. Mức độ rõ ràng, tính khoa học, cụ thể của việc luận giải về tính cấp thiết của đề tài. Mức độ rõ ràng của mục tiêu nghiên cứu	5	
3. Tính đầy đủ, phù hợp và logic của nội dung nghiên cứu. Mức độ làm rõ nội dung quan trọng, chủ yếu của đề tài	5	
4. Tính đầy đủ, phù hợp, khoa học và logic của phương pháp nghiên cứu tương ứng để đạt mục tiêu của đề tài	20	
5. Tính đầy đủ, hợp lý và tương thích về kết quả nghiên cứu so với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	5	
6. Tính khả thi của ứng dụng kết quả nghiên cứu trong điều kiện Việt Nam	5	
7. Hiệu quả kinh tế - xã hội, tính khả thi của các phương án chuyển giao, nhân rộng kết quả nghiên cứu	5	
8. Năng lực chuyên môn và thời gian thực tế có thể dành cho nghiên cứu của các cán bộ thực hiện đề tài	5	
9. Năng lực tổ chức thực hiện *(tính khoa học và hợp lý trong bố trí kế hoạch, các mốc phải đạt, khả năng hoàn thành...)*	5	
10. Cơ sở vật chất, tính khả thi của việc huy động kinh phí phục vụ triển khai đề tài	5	
11. Mức độ xác thực của dự toán kinh phí, tính hợp lý của việc phân bổ kinh phí cho các nội dung nghiên cứu	15	
12. Tính đầy đủ của hồ sơ về đạo đức nghiên cứu	5	

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của chuyên gia
13. Mức độ đầy đủ về mô tả biện pháp chăm sóc bảo vệ đối tượng nghiên cứu, bảo vệ bí mật cho đối tượng nghiên cứu	5	
14. Mức độ đầy đủ về mô tả quyền lợi của đối tượng nghiên cứu	5	
15. Sự đầy đủ thông tin trong Bản cam kết tình nguyện tham gia nghiên cứu và thông báo cụ thể những rủi ro có thể xảy ra cho đối tượng nghiên cứu	5	
Tổng cộng	**100**	

5. Khuyến nghị của Chuyên gia/Thành viên Hội đồng về những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh Dự án - cả về nội dung và kinh phí (nếu có).

CHUYÊN GIA/THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 2 biểu B11 CĐTMDA

BỘ Y TẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Hội đồng KH&CN tư vấn xét chọn Tổ chức, cá nhân chủ trì Dự án SXTN	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 200...*

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ Y TẾ

1. Tên Dự án SXTN:

2. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Dự án SXTN:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

3. Họ và tên Chuyên gia/Thành viên Hội đồng đánh giá:

4. Các chỉ tiêu đánh giá

Tiêu chí đánh giá	*Điểm tối đa*	*Điểm đánh giá của chuyên gia*
I. Giá trị công nghệ của Dự án (*Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.1, 14.1, 14.2, 15.1 và 15.2,17 của Thuyết minh dự án*)	***20***	
1. Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của Dự án so với công nghệ là xuất xứ	5	
2. Trình độ công nghệ chủ yếu của Dự án (các chỉ tiêu KT-KT, chỉ tiêu bảo vệ môi trường,….) so với công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước	5	
3. Mức độ tiên tiến của sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh môi trường,…) so sánh với sản phẩm tương tự trong nước và ở ngoài nước	5	
4.Tính hợp lý của quy mô Dự án	5	
II. Tính khả thi của phương án triển khai Dự án (*Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 16 của Thuyết minh dự án*)	***20***	
5. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện	10	
6. Khả năng hợp tác, liên kết giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	5	
7. Tính hợp lý, đầy đủ, xác thực của phương án tài chính	5	
III. Đầu tư và lợi ích trực tiếp của Dự án (*Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ phần III, các mục 16.2, 13.2 và 13.3 của Thuyết minh dự án*)	***20***	
8. Tính hợp lý của tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án so với kết quả dự kiến tạo ra	5	
9. Tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học để thực hiện Dự án	5	
10. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách so với kết quả và mục đích đầu tư, tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện Dự án	5	
11. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại (kinh tế, việc làm, đào tạo cán bộ,…)	5	

Tiêu chí đánh giá	*Điểm tối đa*	*Điểm đánh giá của chuyên gia*
IV. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của Dự án sau khi kết thúc (*Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.5 và mục 16.3 của Thuyết minh dự án*)	***20***	
12. Tính xác thực của dự báo nhu cầu, đánh giá khả năng cung ứng trên thị trường đối với sản phẩm tạo ra của Dự án	5	
13. Tính cụ thể và khả thi của phương án tiêu thụ sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án	5	
14. Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (giá thành, chất lượng,…)	5	
15. Khả năng chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án, tự tổ chức SX-KD, thành lập doanh nghiệp KHCN	5	
V. Năng lực thực hiện Dự án *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.4, 16 và phần III của Thuyết minh dự án và các bản Lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính Dự án*)	***20***	
16. Năng lực, uy tín về nghiên cứu KH&CN và kinh nghiệm, năng lực tổ chức, quản lý của cá nhân chủ trì Dự án	5	
17. Năng lực của các cá nhân tham gia chính thực hiện Dự án (trình độ, kinh nghiệm, thời gian thực tế có thể tham gia)	5	
18. Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và các tổ chức phối hợp chính (khả năng huy động cơ sở vật chất, nhân lực, …)	5	
19. Đánh giá chung về tính hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh Dự án	5	
Tổng cộng	**100**	

5. Khuyến nghị của Chuyên gia/Thành viên Hội đồng về những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh Dự án - cả về nội dung và kinh phí (nếu có).

CHUYÊN GIA/THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 2 biểu B12 BBKPCĐTMĐT

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng.... năm ...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI CẤP BỘ NĂM .....

Tên đề tài:

Tên tổ chức và cá nhân đăng ký dự tuyển:

Họ tên thành viên hội đồng	***Điểm các tiêu chí***															**Tổng điểm**
	1	***2***	***3***	***4***	***5***	***6***	***7***	***8***	***9***	***10***	***11***	***12***	***13***	***14***	***15***	
Điểm trung bình chung của Hội đồng																

Các thành viên ban kiểm phiếu
(Họ tên và chữ ký)

Trưởng ban kiểm phiếu
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục 2 biểu B13 BBKPCĐTMDA

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng.... năm ...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI CẤP BỘ NĂM .....

Tên dự án:

Tên tổ chức và cá nhân đăng ký dự tuyển:

Họ tên thành viên hội đồng	***Điểm các tiêu chí***																				**Tổng điểm**
	1	***2***	***3***	***4***	***5***	***6***	***7***	***8***	***9***	***10***	***11***	***12***	***13***	***14***	***15***	***16***	***17***	***18***	***19***	***20***	
Điểm trung bình chung của Hội đồng																					

Các thành viên ban kiểm phiếu
(Họ tên và chữ ký)

Trưởng ban kiểm phiếu
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục 2 biểu B14 THĐGĐTTC

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng.... năm 20.....

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI CẤP BỘ NĂM .....

Tên đề tài:

Họ tên thành viên hội đồng	**Điểm tổng hợp cho Đối tượng dự tuyển**	
Điểm trung bình		

Các thành viên Ban kiểm phiếu
(Họ tên và chữ ký)

Trưởng Ban kiểm phiếu
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục 2 biểu B15 BBHĐTC

BỘ Y TẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TUYỂN CHỌN ĐỀ TÀI KHCN CẤP BỘ NĂM....	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm....*

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KH&CN
ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI CẤP BỘ NĂM .....

A. Những thông tin chung

1. Tên Đề tài:

.....

.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng:

...../QĐ-BYT ngày ..../..../200... của Bộ trưởng Bộ Y tế

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

....., ngày .../..../200... và ngày.../..../200...

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: ...../.....

Vắng mặt: ..... người, gồm các thành viên:

.....

.....

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (Họ tên, đơn vị công tác)

1

2

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng đã thảo luận, nhận định đánh giá khái quát về mặt mạnh, mặt yếu của từng Hồ sơ theo các tiêu chí đã quy định.

2. Hội đồng đã nghe các chuyên gia phản biện đọc Bản nhận xét, phân tích từng Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì Đề tài.

Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các chuyên gia phản biện về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

3. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận kỹ từng Hồ sơ theo từng tiêu chí đã được quy định, nhận xét, đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của từng Hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định và đánh giá so sánh giữa các Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn cùng một (01) Đề tài.

4. Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

Trưởng Ban:.....

Hai ủy viên:.....

.....

Hội đồng đã bỏ phiếu kín đánh giá từng Hồ sơ đăng ký chủ trì Đề tài:

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn tổ chức cá nhân chủ trì Đề tài như sau:

.....

.....

(Biên bản kiểm phiếu kèm theo).

5. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng *(để lại những nội dung thích hợp)*

5.1. Kết quả đánh giá của Hội đồng

- Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển chủ trì Đề tài nêu trên:

Tên tổ chức:.....

Họ và tên cá nhân:.....

5.2. Hội đồng kiến nghị những điểm sau đây trong quá trình hoàn thiện Hồ sơ của tổ chức và cá nhân được kiến nghị trúng tuyển

- Về những nội dung cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh Đề tài:

- Những sản phẩm chính và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu tương ứng phải đạt:

- Về kinh phí cho việc thực hiện Đề tài:

- Về những điểm cần lưu ý khác trong quá trình hoàn thiện Hồ sơ của tổ chức và cá nhân được kiến nghị trúng tuyển:

Hội đồng đề nghị Bộ Y tế xem xét và phê duyệt.

Thư ký khoa học	**Chủ tịch Hội đồng**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*

Phụ lục

Những ý kiến đánh giá của thành viên Hội đồng
(ghi chép của thư ký khoa học của Hội đồng)

Phụ lục 2 biểu B16 HĐĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

HỢP ĐỒNG
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
(Dùng cho đề tài khoa học công nghệ thuộc cấp Bộ Y tế)

Số: ... / /HĐ-ĐTCB

- Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

- Căn cứ Thông tư số...../2010/TT-BYT ngày.... tháng..... năm 2010 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ Y tế.

- Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-BKHCN ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ" và "Mẫu báo cáo định kỳ" để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ thuộc các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành "Quy định tuyển chọn xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN";

- Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-BYT ngày..... tháng.... năm 200... của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt chủ trì thực hiện đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ;

- Trên cơ sở nhu cầu và năng lực của các bên,

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên giao (Bên A): Vụ Khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế

- Do .....

- Chức vụ: Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học và Đào tạo, làm đại diện

- Địa chỉ: 138 A Giảng Võ, Quận Ba Đình;

- Tel: 04. 62732249; Fax: 04.62732243

2. Bên nhận (Bên B):

a) Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài:

- Do Ông: .....

- Chức vụ: .....

- Địa chỉ: .....

- Tel: .....; Fax: .....

- Số tài khoản: ..... tại Kho Bạc Nhà nước/ngân hàng.....

b) Chủ nhiệm Đề tài

- Ông:.....

- Địa chỉ:.....

- Tel/Fax:.....

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Giao và nhận thực hiện Đề tài

1. Bên A giao cho Bên B thực hiện Đề tài "*Nghiên cứu .....*", thuộc kế hoạch 20....., theo Quyết định số ..... và các nội dung trong Thuyết minh Đề tài.

Thuyết minh Đề tài và các **Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo là bộ phận của Hợp đồng**.

- Thời gian thực hiện Đề tài là …. tháng, từ tháng …. năm 200... đến tháng .... năm ….

- Kinh phí để thực hiện Đề tài là: …… đồng (bằng chữ: …… đồng).

2. Bên B nhận thực hiện Đề tài trên theo đúng nội dung yêu cầu được quy định trong Hợp đồng này.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a) Duyệt **Thuyết minh Đề tài** và kiểm tra giám sát tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo các nội dung trong các **Phụ lục 3, 4** kèm theo Hợp đồng này;

b) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong **Thuyết minh Đề tài**, các **Phụ lục 1, 2, 3, 4** kèm theo Hợp đồng; thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.

c) Duyệt cấp cho Bên B số kinh phí quy định tại **khoản 1 Điều 1** theo tiến độ từng năm, được thể hiện trong các **Phụ lục 3, 4** của Hợp đồng;

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài của Bên B, Bên A xem xét và xác nhận khối lượng công việc đạt được phù hợp với kinh phí đã sử dụng và theo tiến độ thực hiện nêu trong **Thuyết minh Đề tài** và **các Phụ lục 3, 4** của Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí (nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ);

e) Hiệp y với Bên B về kế hoạch đấu thầu, mua sắm trang bị, thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

f) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh c trong Hợp đồng;

g) Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các điều kiện:

- Không đảm bảo tuân thủ các điều kiện cần thiết dẫn đến không có khả năng hoàn thành hợp đồng;

- Không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng;

- Không tuân thủ đúng nội dung nghiên cứu trong **Thuyết minh Đề tài** dẫn đến kết quả của Đề tài có thể không đáp ứng được mục tiêu đã được phê duyệt theo **Thuyết minh Đề tài**;

- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

h) Phối hợp cùng bên B quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do bên A cấp hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài;

i) Thực hiện việc ủy quyền cho bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của Đề tài (nếu có) theo quy định hiện hành.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a) Đứng tên trong Đề tài và hưởng lợi ích thu được (nếu có) do việc chuyển giao các thương mại các kết quả của đề tài theo quy định hiện hành;

b) Đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng khi không thể tiếp tục thực hiện được do lý do bất khả kháng;

c) Lập dự toán kinh phí và tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu trong **Thuyết minh Đề tài**, các **Phụ lục 1, 2, 3, 4** kèm theo Hợp đồng;

d) Xây dựng kế hoạch đấu thầu, mua sắm trang bị, thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện mua sắm trang bị, thiết bị theo quy định;

e) Chấp hành các quy định pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định;

f) Chủ động sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả;

g) Báo cáo định kỳ 6 tháng một lần (theo mẫu BC ĐK - 01) và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện Đề tài, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo.

h) Thực hiện việc đánh giá cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài. Sau khi đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các tài liệu, mẫu sản phẩm nêu trong **Thuyết minh Đề tài** và các **Phụ lục 1, 2** kèm theo trong Hợp đồng, báo cáo quyết toán tài chính của Đề tài và toàn bộ hồ sơ đã được hoàn chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở để Bên A tiến hành tổ chức thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ theo quy định hiện hành;

i) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài, cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

l) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu. Công bố, sử dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

m) Thực hiện đăng ký kết quả của Đề tài tại Trung tâm Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo quy định;

n) Phân định trách nhiệm của Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài và Chủ nhiệm Đề tài:

- Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm d, e, k, m của khoản 2, Điều 2;

- Chủ nhiệm Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, c, f, l của khoản 2, Điều 2;

- Chủ nhiệm Đề tài cùng Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài chịu trách nhiệm thực hiện các điểm b, g, h, i của khoản 2, Điều 2.

Điều 3. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

1. Đối với Đề tài đã kết thúc:

a) Khi Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu thì Bên A tất toán kinh phí cho Bên B theo quy định hiện hành;

b) Khi Đề tài đã kết thúc, nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu thì Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những nội dung công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chức tư vấn/chuyên gia độc lập do Bên A yêu cầu.

2. Đối với Đề tài không hoàn thành:

a) Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một trong các đại diện của Bên B không còn mà hai bên không thống nhất được đại diện khác thay thế thì đại diện còn lại của Bên B có trách nhiệm hoàn lại cho Bên A số kinh phí đã cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với phần kinh phí đã cấp và đã sử dụng thì hai bên cùng phối hợp xác định khối lượng công việc đã triển khai phù hợp với kinh phí đã sử dụng để làm căn cứ quyết toán theo quy định hiện hành về quản lý tài chính;

b) Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài;

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên B thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật;

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên A thì Bên B không phải bồi thường số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật;

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên A thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp để thực hiện Đề tài.

c) Trường hợp có căn cứ để khẳng định không còn nhu cầu thực hiện Đề tài:

- Nếu hai bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng thì cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng để thực hiện Đề tài;

- Nếu hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

Điều 4. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày (mười lăm ngày) trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, để cùng xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng khiến một trong hai bên không thể thực hiện tiếp hoặc thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì có thể thỏa thuận đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết. Trường hợp không có thỏa thuận giải quyết tại Trọng tài thì một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 5. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... Hợp đồng gồm..... trang được lập thành 8 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 4 bản.

Bên A (Bên giao) **Bộ Y tế**	**Bên B** (Bên nhận) **Cơ quan chủ trì Đề tài** (Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và tên)
	Chủ nhiệm Đề tài (Chữ ký, ghi rõ họ và tên)

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

Hợp đồng số:...../200 ..../HĐ-ĐTCB

Phụ lục 1

DANH MỤC SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
DẠNG KẾT QUẢ III, IV

TT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1			
2			

Phụ lục 2

DANH MỤC SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
DẠNG KẾT QUẢ I, II

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Ghi chú
1				
2				

Phụ lục 3

SẢN PHẨM CẦN ĐẠT VÀ TIẾN ĐỘ HOÀN THÀNH

TT	Sản phẩm phải đạt	Yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm	Tiến độ hoàn thành
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			

Phụ lục 4

DỰ TOÁN KINH PHÍ THEO NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ

TT	**Các nội dung công việc cần thực hiện**	**Sản phẩm cần đạt**	**Thời gian hoàn thành**	**Mục chi**	**Ngân sách nhà nước**				**Nguồn khác**
					Tổng số	*Năm 20*	*Năm 20*	*Năm 20*	
1									
2									
3									
4									
5									
	Tổng cộng (1 + 2 + 3...)								

Phụ lục 2 biểu B17 HĐKHCN

BỘ Y TẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày..... tháng ..... năm ....

HỢP ĐỒNG
THỰC HIỆN DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ
Số: ...../...../HĐ-DASXTN

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000 và Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-BYT ngày ..... tháng.... năm..... của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt đề tài cấp Bộ bắt đầu thực hiện từ năm.....

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A) là: Bộ Y tế

Đại diện: .....

Chức vụ: Phó Vụ trưởng

Địa chỉ: 138A - Giảng Võ - Hà Nội

Tel: 0462132242

Fax: 0462132243

2. Bên nhận (Bên B) là:

a) Cơ quan chủ trì đề tài/dự án SXTN:

Đại diện:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Tel:..... Fax: .....

Email:.....

Số tài khoản:..... Kho bạc Nhà nước.....

b) Chủ nhiệm đề tài/dự án SXTN:

Họ và tên: .....

Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Tel: ..... Fax:.....

Email: .....

Hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thực hiện dự án SXTN cấp Bộ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

I. Đối tượng hợp đồng

Điều 1. Bên B cam kết thực hiện dự án SXTN:

.... theo Quyết định số ...../QĐ-BYT ngày ..... tháng ..... năm ..... của Bộ trưởng Bộ Y tế, theo các nội dung trong Thuyết minh đề tài/ dự án SXTN. Thuyết minh đề tài/dự án SXTN và các phụ lục kèm theo là bộ phận của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện dự án SXTN là..... tháng, từ.....đến .....

II. Tài chính của hợp đồng

Điều 3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ là: ..... triệu đồng (Bằng chữ: ..... triệu đồng).

Điều 4. Bên A có trách nhiệm cấp cho Bên B số kinh phí ghi ở Điều 3 để thực hiện dự án SXTN theo tiến độ sau:

Số TT	Năm	Kinh phí (Triệu đồng)	Ghi chú
1	Năm 20		
2	Năm 20		
3	Năm.....		
...	....	...	...

Kinh phí theo tiến độ trên của đề tài/dự án SXTN được ghi trong chỉ tiêu kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm của Cơ quan chủ trì.

Hàng năm, trên cơ sở có báo cáo tình hình thực hiện dự án SXTN, Bên A tiến hành kiểm tra tình tình thực hiện dự án SXTN và khẳng định về kết quả theo tiến độ thực hiện nêu trong Thuyết minh của dự án SXTN kèm theo Hợp đồng. Nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, Bên A có thể kiến nghị thay đổi tiến độ hoặc ngừng cấp kinh phí.

Điều 5. Bên B có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng một lần cho Bên A về tiến độ triển khai thực hiện dự án SXTN, báo cáo quyết toán kinh phí hoặc báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đã nhận được theo chế độ hiện hành trước khi nhận kinh phí đợt tiếp theo.

III. Trình tự giao nhận sản phẩm

Điều 6. Khi kết thúc dự án SXTN, Bên B chuyển cho Bên A những tài liệu và chuẩn bị đầy đủ các mẫu sản phẩm nêu trong Thuyết minh dự án SXTN, các phụ lục trong Thuyết minh kèm theo Hợp đồng, báo cáo quyết toán tài chính của đề tài/ dự án SXTN để đánh giá và nghiệm thu.

Điều 7. Trong thời gian 30 ngày sau khi Bên B đã thực hiện xong nội dung nêu ở Điều 6 và quyết toán kinh phí, Bên A tiến hành đánh giá, nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng.

IV. Trách nhiệm của các Bên

Điều 8. Trong quá trình thực hiện dự án SXTN:

- Nếu Bên nào nhận thấy cần đình chỉ thực hiện dự án SXTN với những lý do chính đáng thì cần thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết trước 15 ngày để tiến hành xác định trách nhiệm của các Bên và lập biên bản xử lý trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Nếu có các Bên yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung Hợp đồng, hai Bên phải kịp thời thỏa thuận bằng văn bản. Các thay đổi hoặc bổ sung nêu trên là bộ phận của Hợp đồng làm căn cứ khi nghiệm thu.

Điều 9. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng. Bên nào không hoàn thành hoặc hoàn thành không đầy đủ các điều khoản ghi trong Hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm theo luật pháp hiện hành.

Điều 10. Hai Bên có trách nhiệm thỏa thuận về quyền nộp đơn đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện của dự án SXTN và phân chia lợi nhuận thu được từ việc chuyển giao kết quả thực hiện của dự án SXTN theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 11. Hai Bên có trách nhiệm bảo mật các sản phẩm khoa học theo quy định hiện hành.

Điều 12. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này gồm ..... trang và được lập thành bốn (04) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ hai (02) bản.

Bên A (Bên giao)	**Bên B** (Bên nhận)
TL. BỘ TRƯỞNG	**CHỦ NHIỆM DỰ ÁN**
VỤ TRƯỞNG VỤ KH&ĐT	(Chữ ký, ghi rõ họ và tên)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI

DANH MỤC PHỤ LỤC

Kèm theo Hợp đồng số: *...../2009/HĐ-DXTN*

Phụ lục 1

DANH MỤC SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
DẠNG KẾT QUẢ III, IV

TT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1			
2			

Phụ lục 2

DANH MỤC SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ DẠNG KẾT QUẢ I, II

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Ghi chú
1				
2				

Phụ lục 3

SẢN PHẨM CẦN ĐẠT VÀ TIẾN ĐỘ HOÀN THÀNH

TT	Sản phẩm cần đạt	Yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm	Tiến độ hoàn thành
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			

TT	Sản phẩm cần đạt	Yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm	Tiến độ hoàn thành
9			
10			
11			
12			

Phụ lục 4

DỰ TOÁN KINH PHÍ THEO NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ

Đơn vị: 1000đ

TT	Các nội dung công việc cần thực hiện	Sản phẩm cần đạt	Thời gian hoàn thành	Mục chi	Ngân sách nhà nước			Nguồn khác
					Tổng số	*Năm 20*	*Năm 20*	
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								

Phụ lục 3 biểu C1 BCTK ĐT, DA

BÁO CÁO THỐNG KÊ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đề tài/dự án SXTN:

Thuộc:

- Chương trình *(tên, mã số chương trình):*

2. Chủ nhiệm đề tài/dự án SXTN:

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/Nữ: .....

Học hàm, học vị: .....

Chức danh khoa học: ..... Chức vụ.....

Điện thoại: Tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: .....

Fax: ..... E-mail: .....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

Địa chỉ nhà riêng: .....

3. Tổ chức chủ trì đề tài/dự án:

Tên tổ chức chủ trì đề tài: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: .....

Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng: .....

Tên cơ quan chủ quản đề tài: .....

.....

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện đề tài/dự án:

- Theo Hợp đồng đã ký kết: từ..... tháng ...../năm ..... đến tháng ..../năm.....

- Thực tế thực hiện: từ..... tháng ...../năm..... đến tháng ...../năm.....

- Được gia hạn (nếu có):

- Lần 1 từ tháng..... năm..... đến tháng..... năm.....

- Lần 2 .....

2. Kinh phí và sử dụng kinh phí:

a) Tổng số kinh phí thực hiện: …… tr.đ, trong đó:

+ Kính phí hỗ trợ từ SNKH: ……. tr.đ.

+ Kinh phí từ các nguồn khác: ……. tr.đ.

+ Tỷ lệ và kinh phí thu hồi đối với dự án (nếu có): …….

…….

b) Tình hình cấp và sử dụng kinh phí từ nguồn SNKH:

Số TT	***Theo kế hoạch***		***Thực tế đạt được***		***Ghi chú*** *(Số đề nghị quyết toán)*
	Thời gian (Tháng, năm)	Kinh phí (Tr.đ)	Thời gian (Tháng, năm)	Kinh phí (Tr.đ)	
1					
2					
…					

c) Kết quả sử dụng kinh phí theo các khoản chi:

Đối với đề tài:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	***Nội dung các khoản chi***	***Theo kế hoạch***			***Thực tế đạt được***		
		Tổng	SNKH	Nguồn khác	Tổng	SNKH	Nguồn khác
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông)						
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng						
3	Thiết bị, máy móc						
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ						
5	Chi khác						
	Tổng cộng						

- Lý do thay đổi (nếu có):

Đối với dự án:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	***Nội dung các khoản chi***	***Theo kế hoạch***			***Thực tế đạt được***		
		Tổng	SNKH	Nguồn khác	Tổng	SNKH	Nguồn khác
1	Thiết bị, máy móc mua mới						
2	Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo						
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ						
4	Chi phí lao động						
5	Nguyên vật liệu, năng lượng						
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng						
7	Khác						
	Tổng cộng						

- Lý do thay đổi (nếu có):

3. Các văn bản hành chính trong quá trình thực hiện đề tài/dự án:

(Liệt kê các quyết định, văn bản của cơ quan quản lý từ công đoạn xác định nhiệm vụ, xét chọn, phê duyệt kinh phí, hợp đồng, điều chỉnh (thời gian, nội dung, kinh phí thực hiện... nếu có); văn bản của tổ chức chủ trì đề tài, dự án (đơn, kiến nghị điều chỉnh ... nếu có)

Số TT	***Số, thời gian ban hành văn bản***	***Tên văn bản***	***Ghi chú***
1			
2			
…			

4. Tổ chức phối hợp thực hiện đề tài, dự án:

Số TT	***Tên tổ chức đăng ký theo Thuyết minh***	***Tên tổ chức đã tham gia thực hiện***	***Nội dung tham gia chủ yếu***	***Sản phẩm chủ yếu đạt được***	***Ghi chú****
1					
2					
...					

- Lý do thay đổi (nếu có):

5. Cá nhân tham gia thực hiện đề tài, dự án:

(Người tham gia thực hiện đề tài thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm)

Số TT	***Tên cá nhân đăng ký theo Thuyết minh***	***Tên cá nhân đã tham gia thực hiện***	***Nội dung tham gia chính***	***Sản phẩm chủ yếu đạt được***	***Ghi chú****
1					
2					
...					

- Lý do thay đổi (nếu có):

6. Tình hình hợp tác quốc tế:

Số TT	***Theo kế hoạch*** *(Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm, tên tổ chức hợp tác, số đoàn, số lượng người tham gia...)*	***Thực tế đạt được*** *(Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm, tên tổ chức hợp tác, số đoàn, số lượng người tham gia...)*	***Ghi chú****
1			
2			
...			

- Lý do thay đổi (nếu có):

7. Tình hình tổ chức hội thảo, hội nghị:

Số TT	***Theo kế hoạch*** *(Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm)*	***Thực tế đạt được*** *(Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm)*	***Ghi chú****
1			
2			
...			

- Lý do thay đổi (nếu có):

8. Tóm tắt các nội dung, công việc chủ yếu:

(Nêu tại mục 15 của thuyết minh, không bao gồm: Hội thảo khoa học, điều tra khảo sát trong nước và nước ngoài)

Số TT	***Các nội dung, công việc chủ yếu*** *(Các mốc đánh giá chủ yếu)*	***Thời gian*** *(Bắt đầu, kết thúc - tháng ... năm)*		***Người, cơ quan thực hiện***
		Theo kế hoạch	Thực tế đạt được	
1				
2				
...				

- Lý do thay đổi (nếu có):

III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN

1. Sản phẩm KH&CN đã tạo ra:

a) Sản phẩm Dạng I:

Số TT	*Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu*	*Đơn vị đo*	*Số lượng*	*Theo kế hoạch*	*Thực tế đạt được*
1					
2					
...					

- Lý do thay đổi (nếu có):

b) Sản phẩm Dạng II:

Số TT	*Tên sản phẩm*	*Yêu cầu khoa học cần đạt*		*Ghi chú*
		Theo kế hoạch	Thực tế đạt được	
1				
2				
...				

- Lý do thay đổi (nếu có):

c) Sản phẩm Dạng III:

Số TT	*Tên sản phẩm*	*Yêu cầu khoa học cần đạt*		*Số lượng, nơi công bố* *(Tạp chí, nhà xuất bản)*
		Theo kế hoạch	Thực tế đạt được	
1				
2				
...				

- Lý do thay đổi (nếu có):

d) Kết quả đào tạo:

Số TT	***Cấp đào tạo, Chuyên ngành đào tạo***	***Số lượng***		***Ghi chú*** *(Thời gian kết thúc)*
		Theo kế hoạch	Thực tế đạt được	
1	Thạc sỹ			
2	Tiến sỹ			
3	BS Nội trú			
4	BS CKI; CKII			

- Lý do thay đổi (nếu có):

đ) Tình hình đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

Số TT	***Tên sản phẩm đăng ký***	***Kết quả***		***Ghi chú*** *(Thời gian kết thúc)*
		Theo kế hoạch	Thực tế đạt được	
1				
2				
...				

- Lý do thay đổi (nếu có):

e) Thống kê danh mục sản phẩm KHCN đã được ứng dụng vào thực tế

Số TT	***Tên kết quả đã được ứng dụng***	***Thời gian***	***Địa điểm*** *(Ghi rõ tên, địa chỉ nơi ứng dụng)*	***Kết quả sơ bộ***
1				
2				

2. Đánh giá về hiệu quả do đề tài, dự án mang lại:

a) Hiệu quả về khoa học và công nghệ:

(Nêu rõ danh mục công nghệ và mức độ nắm vững, làm chủ, so sánh với trình độ công nghệ so với khu vực và thế giới...)

b) Hiệu quả về kinh tế xã hội:

(Nêu rõ hiệu quả làm lợi tính bằng tiền dự kiến do đề tài, dự án tạo ra so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường...)

3. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo, kiểm tra của đề tài, dự án:

Số TT	***Nội dung***	***Thời gian thực hiện***	***Ghi chú*** *(Tóm tắt kết quả, kết luận chính, người chủ trì...)*
I	Báo cáo định kỳ		
	Lần 1		
	…		
II	Kiểm tra định kỳ		
	Lần 1		
	….		
III	Nghiệm thu cơ sở		
	……		

Chủ nhiệm đề tài, Dự án SXTN

(Họ tên, chữ ký)

Thủ trưởng tổ chức chủ trì

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Phụ lục 3 biểu C2 HDBCTH ĐT, DA

HƯỚNG DẪN
BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN

Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài, dự án SXTN (sau đây viết tắt là báo cáo tổng hợp) là tài liệu tổng hợp quá trình thực hiện và kết quả đạt được khi đề tài, dự án SXTN đến thời hạn kết thúc để phục vụ đánh giá nghiệm thu và sau khi được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng đánh giá cấp Bộ Y tế được dùng để công nhận kết quả nghiên cứu, thanh lý hợp đồng và lưu trữ theo quy định.

Để thuận tiện, báo cáo tổng hợp có quy định về hình thức cơ bản như đối với các loại hình báo cáo khoa học khác và phải phản ánh được các kết quả nội dung khoa học công nghệ đã nêu trong đề cương thuyết minh đề tài, dự án, cụ thể như sau:

I. BỐ CỤC CỦA BÁO CÁO TỔNG HỢP

Trang bìa (xem Hình 3.2)

Trang phụ bìa (xem Hình 3.3)

Báo cáo thống kê (xem mẫu tại **phụ lục 3 biểu C 1 BCTK ĐT, DA**)

Mục lục

Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt

Danh mục các bảng

Danh mục các hình vẽ, đồ thị

MỞ ĐẦU

Chương 1 -

1.1. .....

1.2. .....

Chương 2 - .....

Chương ... KẾT QUẢ

Chương .... Bàn luận

Chương ..... KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO TỔNG HỢP

2.1. Mở đầu:

Giới thiệu vắn tắt về sự hình thành đề tài, dự án SXTN;

Nêu mục tiêu, đối tượng, tính cấp thiết, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, dự án SXTN

Tổng quan về tình hình nghiên cứu, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài; trình độ công nghệ mà dự án cần hoàn thiện so với trong nước và quốc tế; cập nhật các thông tin đến thời điểm báo cáo; nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà đề tài, dự án cần giải quyết.

Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu, kiến nghị *(tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp cơ sở (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền)*

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ *(tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp)*

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (*hợp đồng chuyển giao công nghệ*; *tên văn bằng, chứng chỉ*, *ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan*)

Nêu mục tiêu hoàn thiện công nghệ, quy mô và trình độ của công nghệ cần đạt được, tính khả thi và hiệu quả kinh tế của dự án.

2.2. Nội dung khoa học công nghệ đã thực hiện

Phần nội dung KHCN đã thực hiện có thể chia thành nhiều chương tùy thuộc vào từng chuyên ngành và đề tài, dự án cụ thể.

a) Đối với đề tài:

Với mỗi nội dung nghiên cứu chính, cần trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận, giả thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng để thực hiện các nội dung cơ bản của đề tài.

Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng của đề tài (thể hiện được độ tin cậy, tính đại diện, tính xác thực, hợp lý...). Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật đã sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo trong quá trình giải quyết các vấn đề đặt ra của đề tài.

Quá trình phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước. Tên các tổ chức phối hợp chính và nội dung công việc tham gia trong quá trình thực hiện đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng... (nếu có).

Quá trình hợp tác quốc tế (nếu có): tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác; hình thức thực hiện; kết quả hợp tác, tác động của việc hợp tác đối với kết quả của đề tài.

Tùy theo tính chất của từng loại hình đề tài có thể bổ sung hoặc bỏ bớt nội dung cụ thể như:

Đối với nghiên cứu lý thuyết:

- Nêu rõ các nội dung nghiên cứu lý thuyết và kết quả đạt được;
- Các phương pháp nghiên cứu đã tiến hành;
- Các phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng.

Đối với công việc thí nghiệm, thực nghiệm (hoặc điều tra, khảo sát):

- Nêu luận cứ cần thiết của thí nghiệm đã tiến hành;
- Các nguyên lý hoạt động của đối tượng đã nghiên cứu;
- Các đặc điểm của đối tượng cần nghiên cứu, phát triển;
- Những tiêu chuẩn thử nghiệm và đánh giá; liệt kê những thiết bị thí nghiệm/thử nghiệm đã sử dụng trong quá trình nghiên cứu;
- Số mẫu hoặc số lần thí nghiệm cần thiết để thu được những kết quả nghiên cứu có độ tin cậy cao;
- Các số liệu thí nghiệm thu được và kết quả kiểm tra, đo đạc, thử nghiệm;
- Đánh giá sai số đo và tính đại diện của số liệu;

- Nhận xét và đánh giá những số liệu hoặc kết quả thí nghiệm/thử nghiệm thu được và rút ra kết luận của từng phần nghiên cứu.

b) Đối với dự án SXTN:

Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai dự án SXTN

Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ (Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm).

Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm.

Tóm tắt quá trình tổ chức sản xuất thử nghiệm như:

- Năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; hoạt động liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ và tổ chức sản xuất thử nghiệm;

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về vị trí địa lý, địa hình, cơ sở hạ tầng.... của địa bàn triển khai dự án); bố trí nhà xưởng phù hợp hay chưa...;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã được sử dụng bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; tình hình cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;.....);

- Nguyên vật liệu (tình hình cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài; các dự báo về nguồn nguyên vật liệu chủ yếu...);

- Số cán bộ KHCN và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; tình hình tổ chức nhân lực; tình hình đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân);

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục).

2.3. Các kết quả đạt được

Mô tả ngắn gọn các kết quả khoa học công nghệ đã đạt được. Đánh giá về số lượng và chất lượng so với hợp đồng KHCN và thuyết minh đã đăng ký. Nhận định các kết quả đạt được.

Phần nhận định các kết quả phải căn cứ vào các dẫn liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo.

a) Nêu các sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt; so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng của các sản phẩm của đề tài).*

- Các sản phẩm "Dạng I": Mẫu (*model, maket);* sản phẩm *(là hàng hóa, có thể được tiêu thụ trên thị trường);* vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các loại khác.

- Các sản phẩm "Dạng II": Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo *(phương pháp, quy trình, mô hình,...)*; đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác.

- Các sản phẩm "Dạng III": Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác. Tình hình công bố kết quả nghiên cứu *(bài báo, ấn phẩm, ...)* ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn.

- Kết quả tham gia đào tạo trên đại học.

- Sản phẩm đã hoặc đang đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng.

Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường:

- Hiệu quả kinh tế trực tiếp *(giá trị làm lợi bằng tiền thông qua ứng dụng thử nghiệm sản phẩm vào sản xuất và đời sống)*;

- Mức độ tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường *(tạo việc làm, tạo ngành nghề mới, bảo vệ môi trường...)*;

- Mức độ sẵn sàng chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

b) Nêu các sản phẩm KH&CN chính của dự án và yêu cầu chất lượng cần đạt; phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài.

- Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm.

- Mức độ hoàn thiện công nghệ, dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ; chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với Hợp đồng thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất;

- Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; Các ấn phẩm; kết quả đào tạo cán bộ.

Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường:

- Mức độ ứng dụng công nghệ và thương mại hóa sản phẩm *(thông qua số lượng tổ chức, cá nhân ứng dụng thử nghiệm công nghệ thành công, quy mô sản xuất sản phẩm…)*.

- Hiệu quả kinh tế trực tiếp *(giảm giá thành, số tiền làm lợi thu được do ứng dụng sản phẩm trong quá trình thực hiện dự án…)*.

- Mức độ tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường, quốc phòng, an ninh, sức khỏe *(tạo việc làm, tạo ngành nghề mới, bảo vệ môi trường, sức khỏe...)*.

Phương án phát triển của dự án sau SXTN khi kết thúc. Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; Liên doanh, liên kết; Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất - kinh doanh; Hình thức khác (nêu rõ).

2.4. Kết luận

Trình bày những kết quả mới của đề tài, dự án SXTN một cách ngắn gọn, không có lời bàn và bình luận thêm.

2.5. Kiến nghị

Đề xuất việc sử dụng và áp dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài (có thể áp dụng ngay vào thực tiễn; cần tiếp tục hoàn thiện trên cơ sở hình thành dự án sản xuất thử nghiệm hoặc cần tiến hành những nghiên cứu tiếp theo…); kiến nghị chuyển giao các kết quả của dự án SXTN vào sản xuất ở quy mô công nghiệp, thương mại hóa sản phẩm…

2.6. Danh mục tài liệu tham khảo

Chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập tới để nghiên cứu và bàn luận trong báo cáo.

2.7. Phụ lục

III. TRÌNH BÀY BÁO CÁO TỔNG HỢP

Báo cáo phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xóa, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị. Tác giả cần có lời cam đoan danh dự về công trình khoa học này của mình. Báo cáo hoàn chỉnh để lưu trữ được đóng bìa cứng, in chữ nhũ đủ dấu tiếng Việt (xem Hình 3.2), trang phụ bìa (xem Hình 3.3).

3.1. Soạn thảo văn bản

Báo cáo được in trên giấy trắng khổ A4 (210 mm x 297 mm); áp dụng đối với văn bản được soạn thảo trên máy vi tính sử dụng chương trình soạn thảo văn bản (như Microsoft Word for Windows hoặc tương đương); phông chữ Việt Unicode (Times New Roman), cỡ chữ 14, mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo dãn khoảng cách giữa các chữ; dãn dòng đặt ở chế độ 1,5 lines; lề trên 3 cm; lề dưới 3 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía dưới mỗi trang giấy. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.

3.2. Tiểu mục

Các tiểu mục của báo cáo được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm bốn chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ: 4.1.2.1 chỉ tiểu mục 1 nhóm tiểu mục 2 mục 1 chương 4). Tại mỗi nhóm tiểu mục phải có ít nhất hai tiểu mục, nghĩa là không thể có tiểu mục 2.1.1 mà không có tiểu mục 2.1.2 tiếp theo.

3.3. Bảng biểu, hình vẽ, phương trình

Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, phương trình phải gắn với số chương; ví dụ Hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong Chương 3. Mọi đồ thị, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ, ví dụ "Nguồn: Bộ Tài chính 1996". Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục *Tài liệu tham khảo*. Đầu đề của bảng biểu ghi phía trên bảng, đầu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình. Thông thường, những bảng ngắn và đồ thị phải đi liền với phần nội dung đề cập tới các bảng và đồ thị này ở lần thứ nhất. Các bảng dài có thể để ở những trang riêng nhưng cũng phải tiếp theo ngay phần nội dung đề cập tới bảng này ở lần đầu tiên.

Các bảng rộng vẫn nên trình bày theo chiều đứng dài 297 mm của trang giấy, chiều rộng của trang giấy có thể hơn 210 mm. Chú ý gấp trang giấy này như minh họa ở *Hình 1* sao cho số và đầu đề của hình vẽ hoặc bảng vẫn có thể nhìn thấy ngay mà không cần mở rộng tờ giấy. Cách làm này cũng giúp để tránh bị đóng vào gáy của báo cáo phần mép gấp bên trong hoặc xén rời mất phần mép gấp bên ngoài. Tuy nhiên nên hạn chế sử dụng các bảng quá rộng.

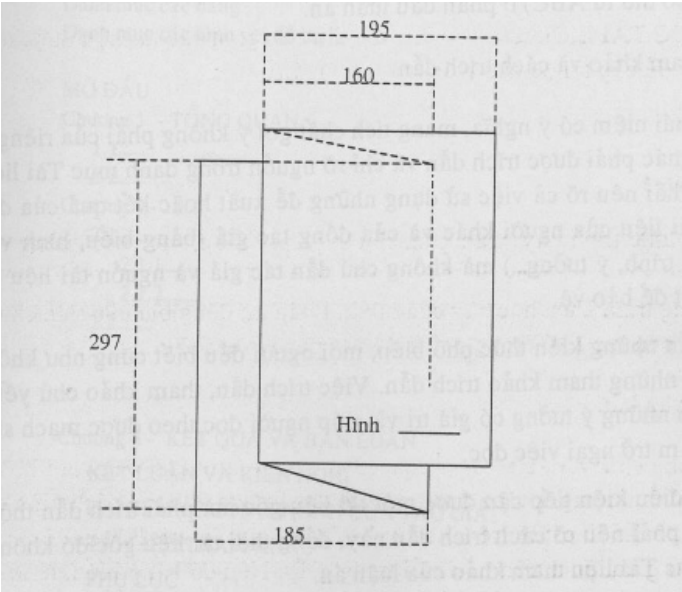

Hình 3.1. Cách gấp trang giấy rộng hơn 210 mm

Trong mọi trường hợp, bốn lề bao quanh phần văn bản và bảng biểu vẫn như quy định tại mục 3.1 Hướng dẫn này.

Đối với những trang giấy có chiều đứng hơn 297 mm (bản đồ, bản vẽ…) thì có thể để trong một phong bì cứng đính bên trong bìa sau báo cáo.

Trong báo cáo, các hình vẽ phải được vẽ sạch sẽ bằng mực đen để có thể sao chụp lại; có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề; cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong văn bản báo cáo. Khi đề cập đến các bảng biểu và hình vẽ phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó, ví dụ "… được nêu trong Bảng 4…" hoặc "(xem Hình 3…)" mà không được viết "… được nêu trong bảng dưới đây" hoặc "… trong đồ thị của X và Y sau".

Việc trình bày phương trình toán học trên một dòng đơn hoặc dòng kép là tùy ý, tuy nhiên phải thống nhất trong toàn báo cáo. Khi ký hiệu xuất hiện lần đầu tiên thì phải giải thích và đơn vị tính phải đi kèm ngay trong phương trình có ký hiệu đó. Nếu cần thiết, danh mục của tất cả các ký hiệu, chữ viết tắt và nghĩa của chúng cần được liệt kê và để ở phần đầu của báo cáo. Tất cả các phương trình cần được đánh số và để trong ngoặc đơn đặt bên phía lề phải. Nếu một nhóm phương trình mang cùng một số thì những số này cũng được để trong ngoặc, hoặc mỗi phương trình trong nhóm phương trình, ví dụ (5.1) có thể được đánh số là (5.1.1), (5.1.2), (5.1.3)

3.4. Viết tắt

Không lạm dụng việc viết tắt trong báo cáo. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên các cơ quan, tổ chức… thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu báo cáo có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu báo cáo.

3.5. Tài liệu tham khảo và cách trích dẫn

Mọi ý kiến, khái niệm có ý nghĩa, mang tích chất gợi ý không phải của riêng tác giả và mọi tham khảo khác phải được trích dẫn và chỉ rõ nguồn trong danh mục *Tài liệu tham khảo* của báo cáo. Phải nêu rõ cả việc sử dụng những đề xuất hoặc kết quả của đồng tác giả. Nếu sử dụng tài liệu của người khác và của đồng tác giả (bảng biểu, hình vẽ, công thức, đồ thị, phương trình, ý tưởng…) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì báo cáo được coi là không trung thực và bị trừ điểm.

Không trích dẫn những kiến thức phổ biến, không làm báo cáo nặng nề với những tham khảo, trích dẫn. Việc trích dẫn, tham khảo chủ yếu nhằm thừa nhận nguồn của những thông tin có giá trị và giúp người đọc theo được mạch viết của tác giả, không làm trở ngại việc đọc.

Nếu không có điều kiện tiếp cận được tài liệu gốc mà phải trích dẫn thông qua một tài liệu khác thì phải nêu rõ cách trích dẫn này, đồng thời tài liệu gốc đó không được liệt kê trong danh mục *Tài liệu tham khảo*.

Khi cần trích dẫn một đoạn ít hơn hai câu hoặc bốn dòng thì có thể sử dụng dấu ngoặc kép để mở đầu và kết thúc phần trích dẫn. Nếu cần trích dẫn dài hơn thì phải tách phần này thành một đoạn riêng khỏi phần nội dung trang trình bày, với lề trái lùi vào thêm 2 cm, trường hợp này, mở đầu và kết thúc đoạn trích không phải sử dụng dấu ngoặc kép.

Trích dẫn theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục *Tài liệu tham khảo* và được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ [15, tr.314-315]. Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ [19], [25], [41], [42].

3.6. Phụ lục của báo cáo

Phần này bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội dung báo cáo như số liệu, mẫu biểu, tranh ảnh… Nếu báo cáo sử dụng những câu trả lời cho một bản điều tra, hỏi đáp thì bản điều tra, câu hỏi mẫu này phải được đưa vào phần *Phụ lục* ở dạng nguyên bản đã cùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi. Cách tính toán mẫu trình bày tóm tắt trong các bảng biểu cũng cần nêu trong *Phụ lục*. Phụ lục không được dày hơn phần chính của báo cáo.

3.7. Báo cáo Tóm tắt

Báo cáo tóm tắt có tính chất thông tin nhanh, đủ để người đọc có thể nắm bắt được các đặc điểm cơ bản, tính độc đáo của đề tài/dự án. Báo cáo tóm tắt thường không quá 25 trang khổ A4. Hình thức trình bày như quy định tại mục 3.1 Hướng dẫn này.

Báo cáo tóm tắt phải đủ các thông tin cơ bản sau:

a) Mở đầu (giới thiệu vắn tắt về xuất xứ của đề tài/dự án SXTN).

b) Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế (nêu sơ lược, không quá hai trang giấy);

c) Danh mục các kết quả, sản phẩm KHCN đạt được với số lượng, chủng loại và chỉ tiêu chất lượng, yêu cầu khoa học chính;

d) Tình hình đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng;

đ) Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường;

e) Kết luận (toàn văn như báo cáo chính);

f) Kiến nghị (toàn văn như báo cáo chính).

BỘ Y TẾ

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN
(TÊN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN)

Cơ quan chủ trì đề tài/dự án SXTN
Chủ nhiệm đề tài/dự án SXTN

..... - 200.....

Hình 3.2. Mẫu bìa báo cáo tổng hợp kết quả đề tài/dự án SXTN

BỘ Y TẾ

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN
(TÊN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN)

Chủ nhiệm đề tài/dự án SXTN	**Cơ quan chủ trì đề tài/dự án SXTN**
(Ký tên)	*(Ký tên và đóng dấu)*

Bộ Y tế
(Ký tên và đóng dấu khi gửi lưu trữ)

Hà Nội - 2.....

Hình 3.3. Mẫu trang phụ bìa báo cáo tổng hợp kết quả đề tài/dự án SXTN

Phụ lục 3 biểu C3 PNXKQ ĐT

BỘ Y TẾ **Hội đồng KHCN nghiệm thu đề tài NCKH cấp Bộ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN NHẬN XÉT
Kết quả nghiên cứu đề tài Nghiên cứu Khoa học Công nghệ cấp Bộ
(QĐ thành lập Hội đồng số...../QĐ-BYT ngày.....
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

UV phản biện:	
Ủy viên:	

1. Tên đề tài:
2. Chủ nhiệm đề tài:
3. Đơn vị chủ trì đề tài:

4. Họ và tên thành viên Hội đồng:.....
Học hàm:..... Học vị:..... Chuyên ngành:.....
Đơn vị công tác:.....

5. Các chỉ tiêu đánh giá:

TT	***Nội dung đánh giá***
1	Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, Phương pháp phân tích và xử lý số liệu và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế. (15 điểm) *(Đạt điểm tối đa khi đảm bảo độ tin cậy, tính đại diện, tính xác thực, hợp lý...)*

TT	***Nội dung đánh giá***
2	Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính so với sản phẩm đăng ký tại Thuyết minh và Hợp đồng *(15 điểm)* *(Đạt điểm tối đa khi số lượng, khối lượng và chủng loại sản phẩm thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng)*
3	Mức chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với mức đã đăng ký tại Thuyết minh và Hợp đồng *(20 điểm)* *(Đạt điểm tối đa khi chất lượng và yêu cầu khoa học thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng)*
4	Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và Tài liệu cần thiết kèm theo (nội dung và hình thức báo cáo, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...) *(10 điểm)* *(Đạt điểm tối đa khi nội dung báo cáo, tài liệu kèm theo đầy đủ, rõ ràng và lôgíc*
5	Công bố kết quả nghiên cứu *(bài báo, ấn phẩm, ...)* ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước *(6 điểm)* - Có 01 bài báo hoặc sách chuyên khảo trong nước *(tạp chí, nhà xuất bản có uy tín) (1 điểm)* - Có 02 bài báo hoặc sách chuyên khảo trong nước trở lên *(tạp chí, nhà xuất bản có uy tín) (2 điểm)* - Có 01 bài báo ngoài nước *(3 điểm)*

TT	***Nội dung đánh giá***
6	Kết quả tham gia đào tạo (khóa luận tốt nghiệp, Thạc sỹ, Tiến sỹ) *(có văn bản xác nhận của các Cơ quan đào tạo) (3 điểm)* - Đang đào tạo *(1 điểm)* - Có kết quả đào tạo *(3 điểm)*
7	Tiến độ thực hiện đề tài *(5 điểm)* - Hoàn thành trước hoặc đúng thời hạn phê duyệt *(5 điểm)* - Hoàn thành đúng thời hạn được gia hạn *(3 điểm)* - Hoàn thành chậm hơn thời hạn phê duyệt/gia hạn *(0 điểm)*
8	Chất lượng sản phẩm trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ *(1 điểm)*
9	Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường *(5 điểm)* - Mức độ sẵn sàng chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu *(thông qua số lượng tổ chức, cá nhân cam kết nhận chuyển giao công nghệ, ứng dụng sản phẩm...) (2 điểm)* - Hiệu quả kinh tế trực tiếp *(thông qua ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, đời sống) (2 điểm)* - Triển vọng áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn *(1 điểm)*

TT	*Nội dung đánh giá*
10	Tuân thủ vấn đề đạo đức trong nghiên cứu y sinh học *(20 điểm)*

6. Đánh giá, nhận xét chung về các kết quả nghiên cứu của đề tài:

7. Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với đề cương nghiên cứu

(chỉ sử dụng cho những trường hợp được dự kiến đánh giá ở mức "*Không đạt*"):

8. Ý kiến của thành viên Hội đồng về những tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết (bắt buộc phải ghi):

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục 3 biểu C4 PNXKQ DA

BỘ Y TẾ **HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày..... tháng..... năm.....*

PHIẾU NHẬN XÉT
KẾT QUẢ DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ

Ủy viên phản biện: ☐
Ủy viên: ☐

1. Tên dự án SXTN:

Chủ nhiệm dự án:

Tổ chức chủ trì dự án:

2. Chuyên gia nhận xét:

- Họ và tên chuyên gia *(chức danh khoa học, học vị):*.....

- Chuyên gia nhận Hồ sơ đánh giá: *ngày… tháng… năm 200....*

3. Nhận xét:

Số TT	***Nội dung nhận xét***	***Điểm tối đa***	***Điểm dự kiến của chuyên gia***
1	Tổ chức triển khai dự án. *(Đạt điểm tối đa khi tổ chức thực hiện và sử dụng hợp lý nhân lực, tài chính, trang thiết bị, nhà xưởng, nguyên vật liệu…)* Nhận xét:	15	

Số TT	***Nội dung nhận xét***	***Điểm tối đa***	***Điểm dự kiến của chuyên gia***
2	Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của Dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm tại Phụ lục 9 của Thuyết minh dự án và Hợp đồng. *(Đạt điểm tối đa khi số lượng, khối lượng và chủng loại sản phẩm thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng)* Nhận xét:	25	
3	Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với Hợp đồng thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất… *(Đạt điểm tối đa khi công nghệ ổn định, chất lượng và yêu cầu khoa học thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng)* Nhận xét:	30	
4	Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả dự án và tài liệu cần thiết kèm theo (các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...) *(Đạt điểm tối đa khi nội dung báo cáo, tài liệu kèm theo đầy đủ, rõ ràng và lô gíc)* Nhận xét:	10	

Số TT	*Nội dung nhận xét*	*Điểm tối đa*	*Điểm dự kiến của chuyên gia*
5	Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, văn bằng bảo hộ - Có 01 sản phẩm đăng ký quyền sở hữu trí tuệ trở lên *(có xác nhận của cơ quan quản lý về sở hữu trí tuệ)* - Đã được cấp 01 văn bằng bảo hộ trở lên. Nhận xét:	5 2 3	
6	Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ. Nhận xét:	5	
7	Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường - Mức độ ứng dụng công nghệ và thương mại hóa sản phẩm *(thông qua số lượng tổ chức, cá nhân ứng dụng thử nghiệm công nghệ thành công, quy mô sản xuất sản phẩm…).* - Hiệu quả kinh tế trực tiếp *(giảm giá thành, số tiền làm lợi thu được do ứng dụng sản phẩm trong quá trình thực hiện dự án…).* - Mức độ tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường, *(tạo việc làm, tạo ngành nghề mới, bảo vệ môi trường...)* Nhận xét:	**10** 5 3 2	
	Cộng	**100**	

4. Nhận xét đánh giá chung về kết quả thực hiện của dự án so với Hợp đồng:
(Trong trường hợp dự kiến kết quả không đạt về nội dung khoa học công nghệ cần chỉ rõ những nội dung không phù hợp với Hợp đồng)

5. Đóng góp của thành viên hội đồng về những tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết *(bắt buộc):*

CHUYÊN GIA NHẬN XÉT
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 3 biểu C5 PĐGKQ ĐT

BỘ Y TẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU ĐỀ TÀI CẤP BỘ	*……, ngày..... tháng..... năm…..*

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ ĐỀ TÀI KHCN CẤP BỘ
(QĐ nghiệm thu đề tài số /QĐ-BYT ngày.... tháng.... năm....
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Tên đề tài:

Chủ nhiệm đề tài:.....

Tổ chức chủ trì đề tài: .....

2. Chuyên gia đánh giá:

- Họ và tên chuyên gia *(chức danh khoa học, học vị):*.....
- Chuyên gia nhận Hồ sơ đánh giá: *ngày…. tháng…. năm 200...*

3. Đánh giá:

Số TT	***Nội dung đánh giá***	***Điểm tối đa***	***Điểm đánh giá của chuyên gia***
1	Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, Phương pháp phân tích và xử lý số liệu và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế. *(Đạt điểm tối đa khi đảm bảo độ tin cậy, tính đại diện, tính xác thực, hợp lý...)*	**15**	
2	Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính so với sản phẩm đăng ký tại Thuyết minh và Hợp đồng. *(Đạt điểm tối đa khi số lượng, khối lượng và chủng loại sản phẩm thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng)*	**20**	

Số TT	*Nội dung đánh giá*	*Điểm tối đa*	*Điểm đánh giá của chuyên gia*
3	Mức chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với mức đã đăng ký tại Thuyết minh và Hợp đồng *(Đạt điểm tối đa khi chất lượng và yêu cầu khoa học thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng)*	**20**	
4	Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và Tài liệu cần thiết kèm theo (nội dung và hình thức báo cáo, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...) *(Đạt điểm tối đa khi nội dung báo cáo, tài liệu kèm theo đầy đủ, rõ ràng và lôgíc)*	**15**	
5	Công bố kết quả nghiên cứu *(bài báo, ấn phẩm,...)* ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước - Có 01 bài báo đăng tạp chí trong nước *(tạp chí, nhà xuất bản có uy tín) (1 điểm)* - Có 02 bài báo đăng tạp chí trong nước trở lên *(tạp chí, nhà xuất bản có uy tín) (2 điểm)* - Có báo cáo tại hội nghị quốc tế *(01 điểm)* - Có 01 bài báo toàn văn đăng tạp chí quốc tế *(3 điểm)*	**6**	
6	Kết quả tham gia đào tạo (khóa luận tốt nghiệp, sau đại học) *(có văn bản xác nhận của các Cơ quan đào tạo)* - Đang đào tạo *(1 điểm)* - Có kết quả đào tạo *(3 điểm)*	**3**	
7	Tiến độ thực hiện đề tài - Hoàn thành trước hoặc đúng thời hạn phê duyệt *(3 điểm)* - Hoàn thành đúng thời hạn được gia hạn *(2 điểm)* - Hoàn thành chậm hơn thời hạn phê duyệt/gia hạn *(0 điểm)*	**3**	

Số TT	*Nội dung đánh giá*	*Điểm tối đa*	*Điểm đánh giá của chuyên gia*
8	Chất lượng sản phẩm trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ.	**3**	
9	Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường - Mức độ sẵn sàng chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu *(thông qua số lượng tổ chức, cá nhân cam kết nhận chuyển giao công nghệ, ứng dụng sản phẩm...). (2 điểm)* - Hiệu quả kinh tế trực tiếp *(thông qua ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, đời sống) (2 điểm)* - Triển vọng áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn *(1 điểm)*	**5**	
10	**Tuân thủ vấn đề đạo đức trong nghiên cứu y sinh học**	**10**	
	Cộng	**100**	

4. Xếp loại đề tài *(đánh dấu √ vào ô tương ứng phù hợp)*:

- **Xuất sắc:**

Đạt tổng số điểm từ 80 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các tiêu chí 1, 2, 3 phải đạt 50 điểm, tiêu chí 7 đạt 2 điểm trở lên và có được một trong các kết quả sau: ☐

- Có ít nhất 2 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc 1 bài báo đăng ở tạp chí quốc tế (hoặc có giấy xác nhận về số và thời gian đăng của Tạp chí); ☐

- Có sản phẩm vượt mức chất lượng, yêu cầu khoa học so với Hợp đồng, có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội. ☐

- **Khá:**

Đạt tổng số điểm từ 65 đến dưới 80 điểm, trong đó tổng số điểm các tiêu chí 1, 2, 3 phải đạt từ 50 điểm trở lên, tiêu chí 7 đạt 2 điểm trở lên) và có được một trong các kết quả sau: ☐

- Có ít nhất 01 bài báo đăng ở tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia ☐

- **Trung bình:**

Đạt tổng số điểm từ 50 đến dưới 65 điểm, trong đó tổng số điểm các tiêu chí 1, 2, 3 phải đạt từ 50 điểm trở lên. ☐

- **Không đạt:**

Khi có tổng số điểm đạt dưới 50 điểm; ☐

5. Ý kiến đánh giá khác *(nếu có):*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 3 biểu C6 PĐGKQ DA

BỘ Y TẾ

HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày.... tháng.... năm 200…

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ

1. Tên dự án SXTN:

Chủ nhiệm dự án:.....

Tổ chức chủ trì dự án: .....

2. Chuyên gia đánh giá:

- Họ và tên chuyên gia *(chức danh khoa học, học vị):*.....
- Chuyên gia nhận Hồ sơ đánh giá: *ngày… tháng… năm 200...*

3. Đánh giá:

Số TT	***Nội dung đánh giá***	***Điểm tối đa***	***Điểm đánh giá của chuyên gia***
1	Tổ chức triển khai dự án. *(Đạt điểm tối đa khi tổ chức thực hiện và sử dụng hợp lý nhân lực, tài chính, trang thiết bị, nhà xưởng, nguyên vật liệu…)*	**15**	
2	Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm KHCN chính của Dự án so với sản phẩm đăng ký tại thuyết minh dự án và Hợp đồng. *(Đạt điểm tối đa khi số lượng, khối lượng và chủng loại sản phẩm thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng)*	**25**	
3	Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với Hợp đồng thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất… *(Đạt điểm tối đa khi công nghệ ổn định, chất lượng và yêu cầu khoa học thực hiện đầy đủ theo Hợp đồng).*	**30**	

Số TT	*Nội dung đánh giá*	*Điểm tối đa*	*Điểm đánh giá của chuyên gia*
4	Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả dự án và tài liệu cần thiết kèm theo (các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn…) *(Đạt điểm tối đa khi nội dung báo cáo, tài liệu kèm theo đầy đủ, rõ ràng và lô gíc)*	**10**	
5	Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, văn bằng bảo hộ - Có 01 sản phẩm đăng ký quyền sở hữu công nghiệp, *(có xác nhận của cơ quan quản lý về sở hữu trí tuệ)* - Có 02 sản phẩm đăng ký quyền sở hữu trí tuệ trở lên *(có xác nhận của cơ quan quản lý về sở hữu trí tuệ)* - Đã được cấp 01 văn bằng bảo hộ trở lên.	**5** **1** **2** **5**	
6	Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ.	**5**	
7	Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường - Mức độ ứng dụng công nghệ và thương mại hóa sản phẩm *(thông qua số lượng tổ chức, cá nhân ứng dụng thử nghiệm công nghệ thành công, quy mô sản xuất sản phẩm…)* - Hiệu quả kinh tế trực tiếp *(giảm giá thành, số tiền làm lợi thu được do ứng dụng sản phẩm trong quá trình thực hiện dự án…)* - Mức độ tác động đối với kinh tế, xã hội *(tạo việc làm, tạo ngành nghề mới, bảo vệ môi trường…)*	**10** **5** **3** **2**	
	Cộng	**100**	

4. Xếp loại dự án *(đánh dấu √ vào ô tương ứng phù hợp)*:

- **Xuất sắc:**
  Đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 phải đạt 70 điểm. ☐
- **Khá:**
  Đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 phải đạt từ 60 điểm trở lên. ☐
- **Trung bình:**
  Đạt tổng số điểm từ 65 đến dưới 75 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 phải đạt từ 60 điểm trở lên. ☐
- **Không đạt:**
  Khi có tổng số điểm đạt dưới 65 điểm ☐

5. Ý kiến đánh giá khác (nếu có):

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

Phụ lục 3 biểu C7 BBKP ĐT

BỘ Y TẾ **Hội đồng KHCN nghiệm thu kết quả đề tài NCKH cấp Bộ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2009

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
nghiệm thu đề tài cấp Bộ
(QĐ thành lập Hội đồng số /QĐ-BYT ngày / /2009)

1. Tên đề tài:
2. Chủ nhiệm đề tài:
3. Đơn vị chủ trì đề tài:

Tổng số phiếu phát ra..... Tổng số phiếu thu về .....

TT	Họ và tên thành viên Hội đồng	Điểm tiêu chí 7	Tổng số điểm
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
...			
Điểm trung bình của các thành viên HĐ			

Kết quả xếp loại đề tài:

- Đạt	Xuất sắc	
	Khá	
	Trung bình	
- Không đạt		

Các thành viên Ban kiểm phiếu **Trưởng Ban kiểm phiếu**

Tiêu chí xếp loại đề tài **(đánh dấu √ vào ô tương ứng phù hợp):**

- **Xuất sắc:**

Đạt tổng số điểm từ 80 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các tiêu chí 1, 2, 3 phải đạt 50 điểm, tiêu chí 7 đạt 3 điểm và có được một trong các kết quả sau: ☐

- Có ít nhất 2 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc 1 bài báo đăng ở tạp chí quốc tế (hoặc có giấy xác nhận về số và thời gian đăng của Tạp chí); ☐

- Có sản phẩm vượt mức chất lượng, yêu cầu khoa học so với Hợp đồng, có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội. ☐

- **Khá:**

Đạt tổng số điểm từ 65 đến dưới 80 điểm, trong đó tổng số điểm các tiêu chí 1, 2, 3 phải đạt từ 50 điểm trở lên, tiêu chí 7 đạt 2 điểm trở lên) và có được một trong các kết quả sau: ☐

- Có ít nhất 01 bài báo đăng ở tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia ☐

- **Trung bình:**

Đạt tổng số điểm từ 50 đến dưới 65 điểm, trong đó tổng số điểm các tiêu chí 1, 2, 3 phải đạt từ 50 điểm trở lên. ☐

- **Không đạt:**

Khi có tổng số điểm đạt dưới 50 điểm; ☐

Phụ lục 3 biểu C8 BBKP DA

BỘ Y TẾ **Hội đồng KHCN nghiệm thu kết quả dự án SXTN cấp Bộ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
nghiệm thu dự án SXTN cấp Bộ
(QĐ thành lập Hội đồng số /QĐ-BYT ngày / /)

1. Tên dự án SXTN:
2. Chủ nhiệm dự án:
3. Đơn vị chủ trì dự án:

Tổng số phiếu phát ra..... Tổng số phiếu thu về.....

TT	Họ và tên thành viên Hội đồng	Tổng số điểm
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
...		
Điểm trung bình của các thành viên HĐ		

Kết quả xếp loại đề tài:

- Đạt	Xuất sắc	
	Khá	
	Trung bình	
- Không đạt		

Các thành viên Ban kiểm phiếu **Trưởng Ban kiểm phiếu**

Tiêu chí xếp loại đề tài **(đánh dấu √ vào ô tương ứng phù hợp):**

- **Xuất sắc:**
  Đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 phải đạt 70 điểm. ☐

- **Khá:**
  Đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 phải đạt từ 60 điểm trở lên. ☐

- **Trung bình:**
  Đạt tổng số điểm từ 65 đến dưới 75 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 phải đạt từ 60 điểm trở lên. ☐

- **Không đạt:**
  Khi có tổng số điểm đạt dưới 65 điểm ☐

Phụ lục 3 biểu C9 BBNT ĐT

BỘ Y TẾ **HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU ĐỀ TÀI CẤP BỘ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày..... tháng..... năm…*

BIÊN BẢN

Họp Hội đồng khoa học công nghệ nghiệm thu chính thức kết quả nghiên cứu đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ

I. Những thông tin chung

1. Tên đề tài:

Mã số đề tài:

Thuộc:

- Chương trình *(tên, mã số chương trình):*
- Độc lập:

Chủ nhiệm đề tài:

Tổ chức chủ trì đề tài:

2. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia *(nếu có)*

Số: /QĐ-BYT ngày của Bộ trưởng Bộ Y tế

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Phiên trù bị: tại..... ngày… tháng… năm 200...

Phiên đánh giá: tại..... ngày… tháng… năm 200...

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (đối với phiên họp đánh giá):

Vắng mặt: người, gồm:

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng *(đối với phiên họp đánh giá)*

II. Nội dung làm việc của Hội đồng

A. Phiên họp trù bị *(để lại những nội dung thích hợp)*

1. Hội đồng đã nghe chủ nhiệm đề tài trình bày báo cáo tóm tắt về kết quả nghiên cứu của đề tài;

2. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài;

3. Hội đồng trao đổi thống nhất phương thức làm việc của Hội đồng:

a) Đã kiến nghị Bộ Y tế tổ chức để Hội đồng xem xét, khảo sát tại hiện trường phục vụ cho việc đánh giá kết quả đề tài.

b) Đã kiến nghị một số thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại đối với đề tài có các kết quả đo kiểm được, đồng thời đề xuất để Bộ Y tế mời tổ chức đo lường thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện, cụ thể như sau:

- Các thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại:

- Các tổ chức đo lường thử nghiệm thực hiện:

4. Hội đồng đã thống nhất lịch làm việc của Tổ chuyên gia (nếu có) và phiên họp đánh giá của hội đồng.

B. Phiên họp đánh giá

1. Hội đồng đã nghe:

- Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có);
- Phiếu nhận xét của ủy viên phản biện;
- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các ủy viên phản biện và thành viên tổ chuyên gia về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan; kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có); Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét đánh giá đề tài của các ủy viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả nghiên cứu của đề tài theo từng nội dung được nêu tại Điều 18 của Thông tư hướng dẫn đánh giá; Hội đồng đánh giá cấp nhà nước đã thực hiện đánh giá kết quả của đề tài bằng Phiếu chấm điểm.

3. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá:

Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng Ban: .....
- Hai ủy viên: .....

.....

Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

4. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

a) Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế:

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính:

c) Mức chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính:

d) Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...):

đ) Công bố kết quả nghiên cứu (bài báo, ấn phẩm...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước:

e) Kết quả tham gia đào tạo Thạc sỹ, Tiến sỹ:

g) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

h) Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ:

i) Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường:

5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu chấm điểm, Hội đồng đã đánh giá xếp loại đề tài ở mức sau *(đánh dấu √ vào ô tương ứng)*:

- **Xuất sắc:**
  Đạt tổng số điểm từ 80 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các tiêu chí 1, 2, 3 phải đạt 50 điểm và có được một trong các kết quả sau: ☐
  - Có ít nhất 2 bài báo đăng ở Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia hoặc 1 bài báo đăng ở tạp chí quốc tế (hoặc có giấy xác nhận về số và thời gian đăng của Tạp chí);
  - Có sản phẩm vượt mức chất lượng, yêu cầu khoa học so với Hợp đồng, có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội.

- **Khá:**
  Đạt tổng số điểm từ 65 đến dưới 80 điểm, trong đó tổng số điểm các tiêu chí 1, 2, 3 phải đạt từ 50 điểm trở lên, tiêu chí 7 đạt 3 điểm trở lên) và có được một trong các kết quả sau: ☐
  - Có ít nhất 01 bài báo đăng ở tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia.

- **Trung bình:**
  Đạt tổng số điểm từ 50 đến dưới 65 điểm, trong đó tổng số điểm các tiêu chí 1, 2, 3 phải đạt từ 50 điểm trở lên. ☐

- **Không đạt:**
  Khi có tổng số điểm đạt dưới 50 điểm; hoặc khi có tổng số điểm của tiêu chí 1, 2, 3 đạt dưới 50 điểm. ☐

6. Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của đề tài *(chỉ sử dụng cho những trường hợp được đánh giá ở mức "Không đạt")*:

7. Hội đồng đề nghị:

- Bộ Y tế xem xét, công nhận kết quả đánh giá đề tài.
- Kiến nghị khác (nếu có):

(về việc sửa chữa hoàn thiện hồ sơ, khen thưởng, đề nghị tiếp tục đầu tư nghiên cứu, sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất và đời sống...)

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*

Phụ lục kèm theo biên bản đánh giá

CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ CẤP BỘ

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*

Phụ lục 3 biểu C10 BBNT DA

BỘ Y TẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ	*……, ngày..... tháng..... năm……*

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ DỰ ÁN SXTN CẤP BỘ

I. Những thông tin chung

1. Tên dự án SXTN:

Mã số dự án SXTN:

Thuộc:

- Chương trình *(tên, mã số chương trình):*
- Độc lập:

Chủ nhiệm dự án:

Tổ chức chủ trì dự án:

2. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia *(nếu có)*

Số: /QĐ-BYT ngày của Bộ trưởng Bộ Y tế

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Phiên trù bị: tại..... ngày… tháng… năm 200...

Phiên đánh giá: tại..... ngày… tháng… năm 200...

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (đối với phiên họp đánh giá):

Vắng mặt: người, gồm:

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng *(đối với phiên họp đánh giá)*

TT	***Đơn vị công tác***	***Họ và tên***
1	Đại diện Bộ Y tế	
2	Đại diện Ban chủ nhiệm chương trình (nếu đề tài thuộc chương trình cấp Bộ)	
3	Cơ quan chủ quản	

II. Nội dung làm việc của Hội đồng

A. Phiên họp trù bị *(để lại những nội dung thích hợp)*

1. Hội đồng đã nghe chủ nhiệm dự án trình bày báo cáo tóm tắt về kết quả nghiên cứu của dự án;

2. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm dự án;

3. Hội đồng trao đổi thống nhất phương thức làm việc của Hội đồng:

a) Đã kiến nghị Bộ Y tế tổ chức để Hội đồng xem xét, khảo sát tại hiện trường phục vụ cho việc đánh giá kết quả dự án.

b) Đã kiến nghị một số thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại đối với dự án có các kết quả đo kiểm được, đồng thời đề xuất để Bộ Y tế mời tổ chức đo lường thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện, cụ thể như sau:

- Các thông số kỹ thuật cần đo đạc, kiểm định lại:

- Các tổ chức đo lường, thử nghiệm thực hiện:

4. Hội đồng đã thống nhất lịch làm việc của Tổ chuyên gia (nếu có) và phiên họp đánh giá của hội đồng.

B. Phiên họp đánh giá

1. Hội đồng đã nghe:

- Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có);
- Phiếu nhận xét của ủy viên phản biện;
- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các ủy viên phản biện và thành viên tổ chuyên gia về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan; kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có); Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và phiếu nhận xét của các ủy viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả của dự án theo từng nội dung được quy định tại Thông tư quy định quản lý đề tài, dự án SXTN cấp Bộ; Hội đồng đã đánh giá kết quả của dự án bằng Phiếu chấm điểm.

3. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá

Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng Ban: .....
- Hai ủy viên: .....

.....

Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá kết quả dự án. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

4. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá

a) Tổ chức triển khai thực hiện dự án:

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm nêu tại Mục 17, Phụ lục 9 của Thuyết minh dự án và Hợp đồng:

c) Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với Hợp đồng thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất…:

d) Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả dự án và tài liệu cần thiết kèm theo (các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...):

đ) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

e) Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với Hợp đồng và có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ:

g) Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường:

5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu chấm điểm, Hội đồng đã đánh giá xếp loại dự án ở mức sau *(đánh dấu √ vào ô tương ứng):*

- **Xuất sắc:**
  Đạt tổng số điểm từ 90 đến 100 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt 70 điểm. ☐

- **Khá:**
  Đạt tổng số điểm từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt từ 60 điểm trở lên. ☐

- **Trung bình:**
  Đạt tổng số điểm từ 65 đến dưới 75 điểm, trong đó tổng số điểm các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều 19 phải đạt từ 60 điểm trở lên. ☐

- **Không đạt:**
  Khi có tổng số điểm đạt dưới 65 điểm. ☐

6. Những nội dung dưới đây đã thực hiện không phù hợp với Hợp đồng của dự án *(chỉ sử dụng cho những trường hợp được đánh giá ở mức "Không đạt")*:

7. Hội đồng đề nghị:

- Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, công nhận kết quả đánh giá dự án.
- Kiến nghị khác (nếu có):

(về việc sửa chữa hoàn thiện hồ sơ, khen thưởng, đề nghị sử dụng kết quả dự án vào thực tiễn sản xuất và đời sống...)

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*

Phụ lục kèm theo biên bản đánh giá

CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ CẤP BỘ

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*

Phụ lục 4 biểu D1 BCĐK

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN

(6 tháng 1 lần, trước 15/3 và 15/9 hàng năm)

Nhận ngày:
…./…./200.

Kỳ: …….

Nơi nhận báo cáo:
Vụ Khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế 138A Giảng Võ - Hà Nội

1.	**Tên Đề tài/Dự án:**	2.	Ngày báo cáo .../..../200.. Kỳ:.....
3.	**Cơ quan chủ trì:**		
Chủ nhiệm Đề tài/Dự án			
4.	Thời gian thực hiện:... tháng từ.... /..../200.. đến ... /..../200...		
5.	Tổng kinh phí thực hiện:..... triệu đồng		
6.	Các nội dung khoa học chính đã được thực hiện tính từ ngày...../...../200... đến kỳ báo cáo		

7. *Số lượng (cộng lũy kế)* sản phẩm khoa học và công nghệ (kết quả KHCN) cụ thể đã hoàn thành đến ngày báo cáo*

Bảng 1

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng			
			Kế hoạch theo HĐ	Thực hiện		
				Trước kỳ báo cáo	Trong kỳ báo cáo	Tổng số
1	2	3	4	5	6	7

8. *Số lượng sản phẩm đã được sử dụng hoặc tiêu thụ và doanh thu bán sản phẩm (nếu có)*

Bảng 2

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng	Doanh thu, tr. đ.	Đơn vị sử dụng

* **Ghi chú:** Cộng lũy kế các kỳ báo cáo trước

9.	*Chất lượng, yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm trong kỳ báo cáo (loại I)*			
				Bảng 3
TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng	
			Kế hoạch	Thực hiện
1	2	3	4	5

10.	*Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm tạo ra (dạng kết quả II, III)*		
			Bảng 4
TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học	Chú thích
1	2	3	4
1			
2			
3			

11.	Nhận xét và đánh giá kết quả đạt được (trong thời gian liên quan đến báo cáo)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

12.	**Kinh phí**	**Bảng 5**

a) Kinh phí lũy kế đã được cấp trước kỳ báo cáo là..... triệu đồng
b) Kinh phí đã được cấp trong kỳ báo cáo:

Đợt	Thời gian	Số tiền (triệu đồng)
1	/ /200..	
2	/ /200..	
3	/ /200..	
Cộng lũy kế (a và b)		

13. *Tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện Đề tài/Dự án tính đến kỳ báo cáo (tr. đồng)*

Bảng 6

TT	Thời gian sử dụng	Tổng số tiền đã sử dụng	Trong đó				
			Thuê khoán chuyên môn	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng nhỏ, sửa chữa	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng kinh phí (a và b)						

	Trong đó:						
	a) Ngân sách SNKH						
	- Tính đến kỳ báo cáo						
	- Trong kỳ báo cáo						
	Cộng						
	B) Các nguồn vốn khác						
	-						

	Kinh phí đã được cấp và sử dụng tính đến kỳ báo cáo	
	Tổng kinh phí đã được cấp:	..... triệu đồng
	Tổng kinh phí đã sử dụng:	..... triệu đồng
	Số kinh phí đã quyết toán:	..... triệu đồng

Các khoản chi lớn trong thời gian liên quan đến báo cáo

.....
.....
.....
.....
.....
.....

14.	Những vấn đề tồn tại cần giải quyết

.....
.....
.....
.....
.....
.....

15.	Dự kiến những nội dung khoa học cần triển khai tiếp trong thời gian tới
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
16.	Kết luận và kiến nghị
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

Chủ nhiệm Đề tài/Dự án (Họ tên, chữ ký)	**Thủ trưởng cơ quan chủ trì Đề tài/Dự án** (Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Phụ lục 4 biểu D2 BCTĐ

HỘI ĐỒNG KHCN ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CẤP BỘ TỔ CHUYÊN GIA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CỦA ĐỀ TÀI/DỰ ÁN CẤP BỘ

I. Thông tin chung:

1. Tên đề tài/dự án SXTN:

Mã số đề tài:

2. Chủ nhiệm đề tài, dự án SXTN:

3. Tổ chức chủ trì đề tài, dự án SXTN:

4. Tổng kinh phí thực hiện: Tr. đ.

Trong đó, Kinh phí từ ngân sách SNKH: Tr. đ.

Kinh phí và tỷ lệ thu hồi *(đối với Dự án SXTN)*: % …. Tr. đ.

5. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng KHCN:

Bắt đầu:

Kết thúc:

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có):

6. Thời gian tiến hành thẩm định: ngày… tháng… năm.....

II. Nội dung kiểm tra, thẩm định:

1. Kiểm tra, thẩm định chi tiết các sản phẩm của đề tài/dự án SXTN và tài liệu có liên quan đến sản phẩm của đề tài/dự án: *mẫu sản phẩm; tài liệu thiết kế; báo cáo thử nghiệm, ứng dụng; các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm KHCN của đề tài/dự án được các tổ chức đo đạc có thẩm quyền chứng nhận; các văn bản xác nhận khác có liên quan đến sản phẩm của đề tài/dự án; số liệu nghiên cứu...)* gồm:

- Sản phẩm A.....
- Sản phẩm B.....
- Tài liệu, số liệu nghiên cứu

2. Khảo sát tại hiện trường, đo đạc lại các thông số kỹ thuật của sản phẩm KHCN hoặc các số liệu nghiên cứu *(Mẫu sản phẩm; vật liệu; thiết bị, máy móc; quy trình kỹ thuật; mô hình thử nghiệm; số liệu nghiên cứu ... nếu có),* gồm:

Sản phẩm 1:

- Tên sản phẩm:.....
- Địa điểm:.....
- Thời gian:.....
- Các chỉ tiêu khảo sát, đo đạc lại *(liệt kê các chỉ tiêu khảo sát, đo đạc lại)*:

.....

- Kết quả *(ghi kết quả khảo sát đo đạc, so sánh)*:

.....

Sản phẩm 2:

.....

Số liệu nghiên cứu:.....

3. Nhận xét, đánh giá:

3.1. Mức độ hoàn thành về số lượng, khối lượng, chủng loại của các sản phẩm:

Số TT	***Tên sản phẩm***	***Theo Hợp đồng***	***Thực tế thực hiện***	***Nhận xét*** *(đủ, chưa đủ...)*
1				
2				
3				
...				

Nhận xét chung:

3.2. Mức độ đạt được của các chỉ tiêu chất lượng của các sản phẩm so với Hợp đồng:

Số TT	***Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng***	***Đơn vị đo***	***Theo Hợp đồng***	***Đã thực hiện***	***Nhận xét*** *(đạt/chưa đạt…)*
1	Sản phẩm 1				
	- Chỉ tiêu 1	…			
	- Chỉ tiêu 2	…			
	…				
2	Sản phẩm 2				
…					

Nhận xét chung:
(về mức độ hoàn thành, tính xác thực của các chỉ tiêu chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt…)

3.3. Các nhận xét khác, đánh giá chung về kết quả của đề tài/dự án:
(nêu đánh giá chung, nhận xét về tình hình ứng dụng các kết quả của đề tài, dự án…)

Các thành viên Tổ chuyên gia
(Họ, tên và chữ ký từng thành viên)

Tổ trưởng Tổ chuyên gia
(Họ, tên và chữ ký)

CÔNG BÁO Nước CHXHCN Việt Nam là ấn phẩm chính thức của Nhà nước dùng để công bố tất cả văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do các cơ quan nhà nước ban hành. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hiện hành quy định rõ: "Chỉ các văn bản công bố trên Công báo mới có giá trị như bản gốc và được sử dụng trong mọi quan hệ, giao dịch chính thức. Văn bản đăng trên các ấn phẩm khác chỉ có giá trị tham khảo".

Công báo xuất bản ở Trung ương gồm các số Công báo thường kỳ và Mục lục Công báo tháng, quý, năm. Công báo được phát hành trong phạm vi toàn quốc do Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm xuất bản và in tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng.

Công báo in trên giấy có kích thước 20,5 cm x 29 cm. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước CHXHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ. Công báo được cấp miễn phí cho các Tủ sách pháp luật và Điểm Bưu điện - Văn hóa xã, phường, thị trấn trong toàn quốc.

Giá Công báo là 5.000đ/số (bao gồm cả phí phát hành). Việc mua Công báo thông qua cơ quan Công báo Trung ương hoặc các đại lý phát hành báo chí trong toàn quốc. Lịch đặt mua Công báo vào ngày 25 hàng tháng tại cơ quan Công báo, Văn phòng Chính phủ.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng